

Những yếu tố tác động đến năng lực tự chủ trong hoạt động học các học phần Tiếng Anh căn bản của sinh viên bậc đại học

Trần Tú Anh*, Nguyễn Anh Thi*

*GV Trường Đại học Cần Thơ

Received: 24/10/2024; Accepted: 29/10/2024; Published: 7/11/2024

Abstract: The study aimed to explore the factors influencing learner autonomy in General English courses among students at a private university in the Mekong Delta region. Through a survey of 280 students, the results indicated that learning motivation, time management skills, learning strategies, support from lecturers, and the availability of learning materials and facilities all positively impact students' learner autonomy. In particular, learning materials and facilities, along with learning strategies, were found to be the most significant factors. Based on these findings, the study proposes recommendations to help universities enhance students' learner autonomy, particularly in General English courses.

Keywords: Influencing factors, General English, Learner Autonomy, Undergraduate

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, tiếng Anh đã trở thành ngôn ngữ quan trọng trong hầu hết các lĩnh vực. Tại Việt Nam, khả năng sử dụng tiếng Anh không chỉ là yêu cầu trong môi trường học tập mà còn là tiêu chí quan trọng đối với nhiều nhà tuyển dụng. Trong giáo dục đại học (GDĐH), việc phát triển kỹ năng tiếng Anh cho sinh viên (SV), đặc biệt là năng lực tự chủ (NLTC) trong hoạt động học, ngày càng trở nên cấp thiết.

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực cải tiến chương trình, phương pháp (PP) giảng dạy và các hình thức tiếp cận tại các cơ sở GDĐH, nhưng NLTC trong việc học tiếng Anh của SV vẫn chưa thực sự đáp ứng yêu cầu thực tiễn, đặc biệt là tại khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long. Vì vậy, nghiên cứu các yếu tố tác động đến NLTC trong hoạt động học của SV là vô cùng cần thiết. Nghiên cứu này sẽ góp phần cung cấp các tham khảo quan trọng cho các bên liên quan, bao gồm đội ngũ GV, ban biên soạn tài liệu và nhà làm chính sách, nhằm nâng cao NLTC trong học tập của SV.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm năng lực tự chủ trong hoạt động học

NLTC trong học tập được hiểu là khả năng của cá nhân trong việc kiểm soát quá trình học tập của mình, bao gồm việc đặt mục tiêu, ra quyết định độc lập và tự đánh giá kết quả. Hu và Zhang khẳng định rằng năng lực này thể hiện khả năng của người học trong việc quản lý toàn bộ quá trình học, từ việc xác định mục tiêu giáo dục đến việc đưa ra các phán đoán

độc lập và tự đánh giá kết quả học tập. Khái niệm này nhấn mạnh sự sẵn sàng của người học trong việc tự chịu trách nhiệm đối với hành trình giáo dục của mình, trong đó quyền tự chủ được coi là tự do trong việc hình thành và tiếp nhận kiến thức.

NLTC trong học tập thường được phân thành hai loại: *Tự chủ chủ động* (Proactive autonomy) và *Tự chủ phản ứng* (Reactive autonomy). *Tự chủ chủ động* đại diện cho các phương thức học tập tích cực, trong đó người học chủ động xây dựng lộ trình học của mình thông qua việc đặt mục tiêu, lựa chọn chiến lược học và tự đánh giá tiến trình. Ngược lại, *Tự chủ phản ứng* biểu thị sự phụ thuộc vào sự hướng dẫn và kích thích từ bên ngoài để học. Đáng chú ý, *Tự chủ phản ứng* là bước nền tảng để phát triển *Tự chủ chủ động*, bởi nó giúp người học hình thành khả năng phân bổ và quản lý các nguồn lực học tập một cách độc lập.

2.2. Yếu tố tác động NLTC trong hoạt động học

Các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng có hai nhóm yếu tố chính ảnh hưởng đến sự tự chủ trong học tập: yếu tố nội tại và yếu tố ngoại tại. Yếu tố nội tại liên quan đến các đặc điểm và khả năng của người học, trong đó KN cá nhân là một yếu tố quan trọng. Các KN như tự quản lý, lập kế hoạch và tự đánh giá kết quả học tập giúp người học quản lý quy trình học tập hiệu quả hơn. Động lực cũng đóng vai trò quan trọng; động lực nội tại, như đam mê và sự quan tâm đến môn học, thúc đẩy người học chủ động tìm kiếm kiến thức và phát triển bản thân. Thêm vào đó, nhận thức về quá trình học tập có ảnh hưởng đến cách người học tự đánh giá và điều chỉnh PP của mình.

Bên cạnh đó, yếu tố ngoại tại cũng tác động mạnh đến khả năng tự chủ của người học. Môi trường học tập là một yếu tố then chốt; những môi trường khuyến khích tính độc lập và sáng tạo thường giúp phát triển NLTC. Vai trò của GV cũng rất quan trọng; sự hỗ trợ và hướng dẫn từ GV giúp HS cảm thấy tự tin hơn trong việc khám phá kiến thức. Công nghệ giáo dục hiện đại cung cấp nhiều công cụ và tài nguyên hỗ trợ việc tự học. Cuối cùng, kết nối xã hội, thông qua tương tác với bạn bè và cộng đồng học tập, cũng rất quan trọng trong việc khuyến khích learner autonomy.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này áp dụng PP định lượng, sử dụng bảng câu hỏi khảo sát được thiết kế theo thang đo Likert 5 bậc (1-Rất không đồng ý, 2-Không đồng ý, 3-Trung lập, 4-Đồng ý, và 5-Rất đồng ý). Bảng câu hỏi bao gồm hai phần chính: Phần 1 nhằm thu thập thông tin nhân khẩu của các đối tượng tham gia nghiên cứu, trong khi Phần 2 bao gồm 32 mục, phân thành 5 biến độc lập tác động đến NLTC trong việc học của SV, cụ thể là: (1) Động lực học tập (ĐLHT), (2) KN quản lý thời gian của SV (KNQLTG), (3) PP học tập cá nhân của SV (PPHT), (4) Sự hỗ trợ từ GV (HTGV), (5) Tài liệu và CSVC học tập (TL&CSVC), và 01 biến phụ thuộc - NLTC trong việc học của SV (NLTC).

Các đối tượng tham gia khảo sát (thông qua Microsoft Forms) gồm 280 SV đang theo học các học phần Tiếng Anh căn bản tại một trường đại học khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long, VN, trong đó có 160 nam (57,1%) và 120 nữ (42,9%).

Sau khi thu thập, dữ liệu được mã hóa và phân tích bằng các PP định lượng, bao gồm phân tích mô tả, phân tích nhân tố khám phá (EFA), với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS phiên bản 27.

2.4. Các nhân tố tác động lên NLTC trong việc học của SV

2.4.1. Kiểm định và đánh giá thang đo

Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha (Bảng 1) cho thấy hệ số tin cậy là cao so với mức yêu cầu. Các hệ số tương quan biến – tổng đều cao và lớn hơn 0,3. Do vậy, các biến quan sát của các thang đo này đều được giữ nguyên cho phân tích EFA.

Bảng 2.1. Hệ số tin cậy alpha của thang đo các yếu tố tác động

Thang đo	Tương quan biến-tổng	Cronbach's alpha
ĐLHT	0,70	0,81
KNQLTG	0,75	0,89
PPHT	0,86	0,95
HTGV	0,73	0,87
TL&CSVC	0,79	0,91
NLTC	0,80	0,95

2.4.2. Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Phân tích nhân tố cho các biến độc lập

Thực hiện phân tích nhân tố khám phá EFA cho các biến độc lập bằng PP Principal Component Analysis với phép xoay Varimax. Kết quả được trình bày ở bảng 2.2 dưới đây.

Bảng 2.2. Kết quả phân tích nhân tố cho các biến độc lập

Biến quan sát	Nhân tố				
	1	2	3	4	5
PPHT2	0,84				
PPHT1	0,82				
PPHT4	0,78				
KNQLTG8	0,78				
PPHT5	0,73				
HTGV3	0,73				
PPHT3	0,72				
HTGV4	0,61		0,51		
HTGV2	0,58				
KNQLTG7		0,82			
KNQLTG6		0,75			
KNQLTG1		0,72	0,52		
KNQLTG5		0,71			
KNQLTG3		0,70			
ĐLHT5			0,85		
ĐLHT4			0,77		
KNQLTG2			0,62		
HTGV1			0,61		
ĐLHT3				0,79	
ĐLHT1				0,71	
KNQLTG4		0,61		0,64	
ĐLHT2				0,63	
TL&CSVC4				0,61	0,59
TL&CSVC2					0,84
TL&CSVC1					0,76
TL&CSVC3					0,70
TL&CSVC5					0,52
Eigenvalues	14,30	2,52	2,03	1,91	1,32
Phương sai trích (%)	52,99	9,34	7,54	7,08	4,91
Tổng phương sai trích (%)	81,88				

KMO and Bartlett's Test		
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy	0,70	
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	13548,59
	df	35
	Sig.	0,00

Kết quả phân tích cho thấy không có sự thay đổi nào của các nhóm biến sơ với kết quả kiểm định hệ số tin cậy Cronbach's Alpha ở trên. Có 5 yếu tố được trích ra từ kết quả EFA.

Phân tích nhân tố cho biến phụ thuộc

Thực hiện phân tích nhân tố khám phá EFA cho biến phụ thuộc bằng PP Principal Component Analysis với phép xoay Varimax. Kết quả được trình bày ở bảng 2.3 dưới đây.

Bảng 2.3. Kết quả phân tích nhân tố cho biến phụ thuộc

Biến quan sát	Hệ số tải nhân tố (Factor loading)
NLTC3	0,95
NLTC1	0,93
NLTC2	0,90
NLTC4	0,88
NLTC5	0,88
Eigenvalues	4,18
Phương sai trích (%)	83,60

KMO and Bartlett's Test		
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy	,87	
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	1480,31
	df	10
	Sig.	0,00

Kết quả phân tích cho thấy không có sự thay đổi nào của nhóm biến so với kết quả kiểm định hệ số tin cậy Cronbach's Alpha ở trên. Như vậy, thang đo TTC đạt giá trị hội tụ.

Kết quả phân tích nhân tố EFA cho thấy các biến độc lập và biến phụ thuộc trong mô hình nghiên cứu đều đạt giá trị hội tụ chấp nhận được. Phân tích EFA thích hợp với dữ liệu nghiên cứu. Có 5 yếu tố được trích ra từ kết quả phân tích gồm 27 biến quan sát. Những biến quan sát trong từng yếu tố đạt yêu cầu được sử dụng trong các biến phân tích tiếp theo.

2.4.3. Đánh giá độ tin cậy thang đo mới

Phân tích Cronbach's Alpha được thực hiện trên thang đo mới để đánh giá độ tin cậy, kết quả tất cả các biến trong thang đo đều có tương quan biến tổng $\geq 0,3$ và Cronbach's Alpha của thang đo $= 0,89 \geq 0,7$ cho thấy thang đo có độ tin cậy sử dụng được (Bảng 2.4).

Bảng 2.4. Đánh giá độ tin cậy thang đo mới

Cronbach Alpha = 0,89				
Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến - tổng	Cronbach's alpha nếu loại biến
ĐLHT	14,98	4,25	0,74	0,87
KNQLTG	14,96	4,49	0,68	0,88
PPHT	15,10	4,24	0,76	0,86
HTGV	15,12	3,91	0,75	0,87
TL&CSVC	15,09	4,18	0,76	0,86

2.4.4. Kiểm định mô hình và các giả thiết nghiên cứu
Phân tích tương quan

Nghiên cứu sử dụng kết quả hệ số tương quan Pearson tại mức ý nghĩa 0,01 để kiểm tra mối tương quan giữa biến phụ thuộc và các biến độc lập.

Bảng 2.5 cho thấy biến phụ thuộc (NLTC) có mối tương quan với biến ĐLHT ($r=0,64$), với KNQLTG ($r=0,47$), với PPHT ($r=0,70$), với HTGV ($r=0,40$), và với TL&CSVC ($r=0,75$). Tất cả các hệ số này đều có ý nghĩa thống kê ($\text{Sig.}=0,00$) và mang dấu dương, cho thấy các biến độc lập có mối quan hệ chặt chẽ và tác động cùng chiều đến biến phụ thuộc.

Bảng 2.5. Kết quả phân tích tương quan

		Correlations						
		ĐLHT	NLQLTG	PPHT	HTGV	TL&CSC	TTC	
ĐLHT	Pearson Correlation	1	,54**	,57**	,69**	,72**	,64**	
	Sig. (2-tailed)		,00	,00	,00	,00	,00	
	N	280	280	280	280	280	280	
KNQLTG	Pearson Correlation	,54**	1	,68**	,58**	,54**	,47**	
	Sig. (2-tailed)	,00		,00	,00	,00	,00	
	N	280	280	280	280	280	280	
PPHT	Pearson Correlation	,57**	,68**	1	,65**	,68**	,70**	
	Sig. (2-tailed)	,00	,00		,00	,00	,00	
	N	280	280	280	280	280	280	
HTGV	Pearson Correlation	,69**	,58**	,65**	1	,64**	,40**	
	Sig. (2-tailed)	,00	,00	,00		,00	,00	
	N	280	280	280	280	280	280	
TL&CSVC	Pearson Correlation	,72**	,54**	,68**	,64**	1	,75**	
	Sig. (2-tailed)	,00	,00	,00	,00		,00	
	N	280	280	280	280	280	280	
NLTC	Pearson Correlation	,64**	,47**	,70**	,40**	,75**	1	
	Sig. (2-tailed)	,00	,00	,00	,00	,00		
	N	280	280	280	280	280	280	

** . Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng ĐLHT, KNQLTG, PPHT, HTGV, cũng như TL&CSVC đều có mối quan hệ tích cực và tác động cùng chiều đến NLTC trong việc học của sinh viên khi học các học phần Tiếng Anh căn bản. Trong đó, TL&CSVC cùng với PPHT của SV là hai yếu tố có tác động mạnh nhất. Dựa trên các phát hiện này, nghiên cứu đưa ra những đề xuất giải pháp nhằm giúp các trường đại học phát triển NLTC của SV, đặc biệt trong các học phần Tiếng Anh căn bản.

Tài liệu tham khảo

- Bliidi, S. (2017). *Collaborative Learner Autonomy: A Mode of Learner Autonomy Development*. Pearson.
- Teng, M. F. (2019). *Autonomy, agency, and identity in teaching and learning English as a foreign language*. Springer Nature Singapore.